

A. HÌNH THỨC KIỂM TRA

Hình thức kiểm tra	TRẮC NGHIỆM		TỰ LUẬN
	DẠNG THỨC 1 Trắc nghiệm nhiều lựa chọn	DẠNG THỨC 2 Trắc nghiệm Đúng - Sai	
Câu	24	1	3
Điểm	6.0	1.0	3.0
Tỉ lệ %	70		30

B. NỘI DUNG KIẾN THỨC TRỌNG TÂM ÔN TẬP

NỘI DUNG 1: QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CAI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở ĐÔNG NAM Á

1. Quá trình xâm lược và cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á

- Từ sau các cuộc phát kiến địa lí, các nước tư bản phương Tây tăng cường tìm kiếm thị trường và thuộc địa; trong khi đó, các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á đang suy yếu, khủng hoảng. Trong bối cảnh đó, các nước tư bản phương Tây tiến hành công cuộc xâm lược và đặt ách cai trị các nước ở Đông Nam Á.

a. Đông Nam Á hải đảo

Quốc gia	Quá trình xâm lược
In-nô-nê-xi-a	Từ thế kỉ XV - XVI, các thế lực thực dân Bồ Đào Nha và Hà Lan cạnh tranh ảnh hưởng. Đến thế kỉ XIX, Hà Lan hoàn thành việc xâm chiếm và thiết lập ách thống trị thực dân trên đất nước này.
Phi-líp-pin	Từ thế kỉ XVI, Phi-líp-pin bị thực dân Tây Ban Nha thống trị. Sau khi thất bại trong cuộc chiến tranh với Mỹ (1898), Tây Ban Nha đã nhượng quyền quản lí thuộc địa Phi-líp-pin cho Mỹ. Từ năm 1899, Phi-líp-pin trở thành thuộc địa của Mỹ.
Mã Lai (nay là Ma-lai-xi-a)	Năm 1826, thực dân Anh đẩy mạnh xâm chiếm các tiểu quốc như Kê-đa, Pê-nang,... và thành lập Mã Lai thuộc Anh vào năm 1895

b. Đông Nam Á lục địa

Quốc gia	Quá trình xâm lược
----------	--------------------

Miến Điện (Mi-an-ma)	Sau ba cuộc chiến tranh xâm lược (1824 – 1826, 1852, 1885) thực dân Anh thôn tính Miến Điện rồi sáp nhập nước này thành một tỉnh của Ấn Độ thuộc Anh.
Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia	Đến cuối thế kỉ XIX, thực dân Pháp đã hoàn thành quá trình xâm lược những nước này và bắt đầu thi hành chính sách bóc lột, khai thác thuộc địa.
Xiêm (nay là Thái Lan)	Nửa cuối thế kỉ XIX, trở thành vùng tranh chấp của thực dân Anh và Pháp. Với chính sách ngoại giao mềm dẻo, khôn khéo của vua Ra-ma V, Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á giữ được nền độc lập tương đối về chính trị

2. Công cuộc cải cách ở Xiêm

a. Bối cảnh

- Từ giữa thế kỉ XIX, thực dân Anh và Pháp mở rộng xâm lược ở Đông Nam Á lục địa, Xiêm trở thành đối tượng bị nhòm ngó và trở thành vùng đệm giữa hai thế lực thực dân.
- Trước mối đe dọa của chủ nghĩa thực dân và nhu cầu phát triển đất nước, vua Ra-ma IV và Ra-ma V đã tiến hành công cuộc cải cách theo hướng hiện đại hoá nhằm bảo vệ nền độc lập.

b. Nội dung

Lĩnh vực	Nội dung
Kinh tế	- Nhà nước giảm thuế nông nghiệp, xoá bỏ chế độ lao dịch, khuyến khích tư nhân bỏ vốn kinh doanh, xây dựng nhà máy, mở hiệu buôn, ngân hàng,... Tư bản nước ngoài được phép đầu tư kinh doanh.
Chính trị	Đứng đầu nhà nước là vua, bên cạnh vua có Hội đồng Nhà nước giữ vai trò là cơ quan tư vấn. Quân đội được trang bị và huấn luyện theo kiểu phương Tây.
Xã hội	Nhà nước xoá bỏ hoàn toàn chế độ nô lệ, giải phóng người lao động.
Văn hóa	Mở các trường học theo mô hình phương Tây
Ngoại giao	Thực hiện ngoại giao mềm dẻo, từng bước xoá bỏ các hiệp ước bất bình đẳng, lợi dụng vị trí nước đệm và mâu thuẫn giữa thực dân Anh và Pháp để giữ gìn chủ quyền đất nước.

c. Ý nghĩa công cuộc cải cách ở Xiêm

- Công cuộc cải cách đã góp phần bảo vệ được nền độc lập, chủ quyền của Xiêm trước sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân.
- Công cuộc cải cách ở Xiêm mang tính chất tiến bộ, đáp ứng phần nào yêu cầu của lịch sử, đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa và giữ được nền độc lập dân tộc mặc dù vẫn còn lệ thuộc về nhiều mặt.

NỘI DUNG 2: HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

1. Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á

a. Đông Nam Á hải đảo

- Phong trào đấu tranh chống thực dân phương Tây của nhân dân Đông Nam Á hải đảo diễn ra sớm, quyết liệt, tiêu biểu là phong trào đấu tranh ở In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.

b. Đông Nam Á lục địa

+ Phong trào đấu tranh chống thực dân Anh của nhân dân Mi-an-ma.

+ Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ba nước Đông Dương (cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX) diễn ra liên tục, sôi nổi, hình thức đấu tranh chủ yếu là khởi nghĩa vũ trang, lãnh đạo là các sĩ phu yêu nước, hoàng thân, tướng lĩnh cấp thấp và nông dân. Trong đó:

- Ở Việt Nam, tiêu biểu như khởi nghĩa Trương Định ở Gò Công, Trần Xuân Hòa ở Mỹ Tho, Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Võ Duy Dương ở Đồng Tháp Mười, Quản Là ở Tây Ninh... Nhân dân Bắc Kì cũng anh dũng chiến đấu chống Pháp tạo nên nhiều chiến công vang dội.

+ Ở Lào, cuối thế kỉ XIX, khi thực dân Pháp hoàn thành công cuộc xâm lược, nhân dân Lào đã nổi dậy đấu tranh, phong trào đấu tranh của nhân dân Lào nhận được sự ủng hộ từ người Mông và một số cộng đồng dân tộc ít người ở vùng Tây Bắc Việt Nam.

+ Ở Cam-pu-chia, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp diễn ra quyết liệt, tiêu biểu là các phong trào đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Hoàng thân Si-vô-tha (1861 – 1892) ở U-dông và Phôm Pênh, A-cha-xoa ở vùng Đông Nam, Pu-côm-bô ở vùng Đông Bắc Cam-pu-chia.

→ Nhìn chung, phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á diễn ra sôi nổi, liên tục, gây nhiều khó khăn cho kẻ thù, tuy nhiên hầu hết các cuộc đấu tranh đều thất bại.

2. Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.

a. Giai đoạn cuối thế kỉ XIX đến năm 1920: Khởi đầu cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc

- Sự xuất hiện của giai cấp vô sản.

- Phong trào đấu tranh chuyển từ chống xâm lược sang giành độc lập

b. Giai đoạn 1920 - 1945: Xuất hiện xu hướng mới trong phong trào đấu tranh.

- Giai cấp vô sản đứng lên vũ đài chính trị → nhiều Đảng Cộng Sản ra đời.

c. Giai đoạn 1945 - 1975: Hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. (trừ Bru-nây: 1984, Timor Lette 2002).

3. Thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập

a. Những ảnh hưởng của chế độ thực dân

+ Tiêu cực

- Kinh tế: Điều yếu kém, lạc hậu, phụ thuộc vào kinh tế tư bản chủ nghĩa phương Tây.

- Chính trị: Chính sách “chia để trị” và chính sách “ngu dân” để lại hậu quả lâu dài.

- Văn hoá: Chính sách đồng hoá văn hóa phương Tây làm mai một không ít những giá trị văn hóa bản địa khu vực.

+ Tích cực: Tạo ra sự chuyển biến đến quá trình phát triển của một số nước Đông Nam Á về hạ tầng cơ sở như: giao thông vận tải, cầu cảng, nhà máy, hầm mỏ, đồn điền và du nhập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa vào Đông Nam Á.

b. Quá trình tái thiết và phát triển

- Nhóm năm nước sáng lập ASEAN:

Từ sau khi giành độc lập đến năm 1967	Chiến lược hướng nội (công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu) - Mục tiêu: xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng kinh tế tự chủ. - Nội dung: phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa. - Thành tựu: đáp ứng nhu cầu cơ bản của nhân dân, giải quyết vấn đề thất nghiệp, tăng thu nhập quốc dân,... - Hạn chế: thiếu vốn, công nghệ, tham nhũng...
Từ năm 1967 đến cuối thập niên 1980	Chiến lược kinh tế hướng ngoại. (công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo) - Mục tiêu: Khắc phục những hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội. - Nội dung: Thu hút vốn đầu tư và kỹ thuật từ nước ngoài, tập trung sản đến cuối thập xuất để xuất khẩu phát triển ngoại thương. - Thành tựu: Tỷ trọng công nghiệp cao hơn nông nghiệp, mậu dịch đối ngoại tăng. - Hạn chế: phụ thuộc vốn và thị trường bên ngoài, đầu tư bất hợp lý...
Từ những năm 1990 đến nay	– Chủ động hội nhập kinh tế thế giới, tăng cường hợp tác khu vực; tập trung triển khai nền kinh tế 4.0. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của nhóm nước này khá cao. Xin-ga-po trở thành một trong bốn “con rồng kinh tế của châu Á. – Bước sang thế kỷ XXI, các nước này đang tích cực triển khai trong khuôn khổ ASEAN về Phát triển Kinh tế đồng đều (AFEED).

– Nhóm ba nước Đông Dương:

Cam-pu-chia	- Từ năm 1975 đến 1991: tình hình chính trị bất ổn, kinh tế khủng hoảng do chế độ Pôn-pôt gây ra. - Từ năm 1991 đến nay: kinh tế tăng trưởng, thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác với Trung Quốc trong sáng kiến “Vành đai và Con đường”.
Lào	- Từ năm 1975 đến 1986: xây dựng nền kinh tế tập trung, kế hoạch hoá và đạt được một số thành tựu nhưng còn gặp nhiều khó khăn. - Từ năm 1986 đến nay: thực hiện đường lối đổi mới, nền kinh tế có sự khởi sắc, đời sống nhân dân các bộ tộc Lào được cải thiện.
Việt Nam	- Từ năm 1986: thực hiện đường lối đổi mới, hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. - Từ năm 1996 đến năm 2000: trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới và có nền kinh tế tăng trưởng nhanh. - Thế kỷ XXI: chủ động hội nhập khu vực và quốc tế ngày càng sâu rộng.

– Các nước khác ở Đông Nam Á:

Bru-nay	- Là một trong những nước có thu nhập đầu người vào hàng cao nhất thế giới nhờ có trữ lượng đáng kể về dầu mỏ và khí tự nhiên. - Giữa thập niên 80 thế kỷ XX: thi hành chính sách đa dạng hoá nền kinh tế, gia tăng sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu.
---------	--

Mi-an-ma	- Từ năm 1988: tiến hành cải cách kinh tế và mở cửa, kinh tế có phần khởi sắc. Tuy nhiên, đời sống nhân dân vẫn còn rất nhiều khó khăn.
Đông Ti-mo	- Năm 1975: tuyên bố độc lập. - Năm 2002: được quốc tế công nhận là một quốc gia độc lập và trở thành quốc gia thứ 11 của Đông Nam Á vào ngày 20 – 5 – 2002.

NỘI DUNG 3: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1945)

1. Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

a. Vị trí địa chiến lược của Việt Nam

- Việt Nam có vị trí địa chính trị quan trọng cả trên đất liền và trên biển, nằm trên các trục giao thông quốc tế ở khu vực Đông Nam Á, từ Đông Bắc Á đến Đông Nam Á và Nam Á, từ Thái Bình Dương đến Ấn Độ Dương.

- Việt Nam là địa bàn cạnh tranh của các cường quốc, từ thời cổ đại đã phải tiến hành nhiều cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.

- Việt Nam có nguồn tài nguyên phong phú, dân cư đông đúc...

→ Vì vậy, trong tiến trình lịch sử, Việt Nam luôn phải đối phó với nhiều thế lực ngoại xâm và tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

b. Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

- Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quan trọng đối với sự sinh tồn và phát triển của dân tộc. Góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, giữ gìn bản sắc văn hóa và tạo đạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xây dựng đất nước.

- Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có ý nghĩa to lớn, nêu cao chủ nghĩa yêu nước, tinh thần độc lập, tự chủ ... tạo nên sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

2. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu

STT	Tên cuộc kháng chiến	Thời gian	Lãnh đạo	Tướng giặc	Trận quyết chiến	Kết quả/ý nghĩa
1	Kháng chiến chống quân Nam Hán	938	Ngô Quyền	Lưu Hoàng Tháo	Sông Bạch Đằng (Hải Phòng – Quảng Ninh)	Thắng lợi Mở đầu thời kì độc lập, tự chủ lâu dài trong lịch sử dân tộc.
2	Kháng chiến chống Tống	981	Lê Hoàn	Tướng Hầu Nhân Bảo tử trận	Lục Đầu giang (Hải Dương) Sông Bạch Đằng (Hải Phòng – Quảng Ninh)	Quân Tống rút chạy, nền độc lập của Đại Cồ Việt được giữ vững.

3	Kháng chiến chống Tống	1075- 1077	Lý Thường Kiệt	Quách Quỳ và Triệu Tiết	sông Như Nguyệt	Quân Tống thất bại, nhà Tống đã phải trả lại đất Quảng Nguyên (Cao Bằng), nổi lại bang giao hai nước.
4	Kháng chiến chống Mông Cổ	1258	Trần Thái Tông Trần Thủ Độ	Ngột Lương Hợp Thai	Bình Lệ Nguyên (Vĩnh Phúc) Đông Bộ Đầu (Hà nội)	Thắng lợi
5	Kháng chiến chống Nguyên	1285	Trần Thánh Tông Trần Quốc Tuấn	Thoát Hoan và Toa Đô	Tây Kết, Hàm Tử (Hưng Yên), Chương Dương. Thăng Long (Hà nội)	Thắng lợi
6	Kháng chiến chống Nguyên	1287- 1288	Trần Thánh Tông Trần Quốc Tuấn	Thoát Hoan và Ô Mã	Sông Bạch Đằng (Hải Phòng – Quảng Ninh)	Thắng lợi
7	Kháng chiến chống Xiêm	1785	Nguyễn Huệ	Chiêu Tăng Chiêu Sương, Lục Côn, Sa Uyên	Rạch Gầm - Xoài Mút (Tiền Giang)	Thắng lợi
8	Kháng chiến chống Thanh	1789	Quang Trung (Nguyễn Huệ)	Tôn Sĩ Nghị	Ngọc Hồi – Đống Đa	Thắng lợi

Nguyên nhân thắng lợi

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Là cuộc đấu tranh bảo vệ dân tộc mang tính chính nghĩa.
- Có sức mạnh toàn dân “cả nước đánh giặc, toàn dân là lính”
- Truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường trong đấu tranh.
- Có sự lãnh đạo của các vua và tướng lĩnh tài giỏi.

*** Nguyên nhân khách quan**

- Các đội quân xâm lược mang tính phi nghĩa, nên tất yếu sẽ thất bại.

- Các đội quân xâm lược thiếu sự chuẩn bị về hậu cần nên rơi vào thế bất lợi.

3. Một số cuộc kháng chiến không thành công.

a. Kháng chiến chống quân Triệu

- Năm 179 TCN, Triệu Đà bắt ngờ đánh vào thành Cổ Loa, cuộc chiến đầu của An Dương Vương bị thất bại. Âu Lạc rơi vào ách thống trị của Nam Việt.

b. Kháng chiến chống quân Minh

- Cuối thế kỷ XIV, nhà Trần suy yếu, Hồ Quý Ly thu tóm quyền lực lập ra nhà Hồ tên nước là Đại Ngu (1400). Lấy cớ “phù Trần diệt Hồ” quân Minh xâm lược Đại Ngu.
- Tháng 11/1406: Nhà Hồ tổ chức chặn đánh quân Minh nhưng thất bại, phải rút về bờ nam sông Hồng, Đa Bang, Đông Đô để cố thủ.
- Tháng 1/1407: Quân Minh chiếm thành Đa Bang, rồi tràn xuống chiếm Đông Đô (Thăng Long), nhà Hồ lui về Tây Đô (Thanh Hóa).
- Tháng 3/1407: Quân Minh tấn công Tây Đô, quân nhà Hồ rút về Nghệ An.
- Tháng 6/1407: Hồ Quý Ly bị bắt, cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại.

c. Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nửa sau thế kỷ XIX

- Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, triều Nguyễn có tổ chức kháng chiến chống Pháp, nhưng do sai lầm về đường lối và không tập hợp được quần chúng nhân dân nên đã để nước ta rơi vào tay thực dân Pháp.
- Với Hiệp ước Hác-măng (1883) và Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884), thực dân Pháp đã căn bản hoàn thành xong quá trình xâm lược Việt Nam.

d. Nguyên nhân không thành công

- Tương quan so sánh lực lượng chênh lệch, các thế lực ngoại xâm có thực lực mạnh về mọi mặt.
- Sai lầm trong đường lối kháng chiến của các triều đại phong kiến.
- Sự chủ quan, mất cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù.

NỘI DUNG 4: MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỶ III TCN - ĐẾN CUỐI THẾ KỶ XIX)

1. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu thời Bắc thuộc

a. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu

- Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 - 43), chống quân xâm lược nhà Đông Hán giành quyền tự chủ, nhưng đến tháng 4/42 Mã Viện đưa quân sang xâm lược, cuộc kháng chiến thất bại.
- Khởi nghĩa Bà Triệu (248), chống quân xâm lược nhà Ngô nhưng bị đàn áp, Bà Triệu hi sinh.
- Khởi nghĩa Lý Bí (542 - 544), chống quân xâm lược nhà Lương, khôi phục nền độc lập, dựng nước Vạn Xuân.
- Khởi nghĩa Phùng Hưng (766 - 791), chống quân xâm lược nhà Đường, xây dựng, củng cố chính quyền tự chủ, nhưng đến năm 791 nhà Đường chiếm lại Tống Bình (Hà Nội).

b. Ý nghĩa

- Dưới ách thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc trong suốt hơn một nghìn năm, các cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra thể hiện tinh thần quật cường, ý thức bảo vệ nền độc lập tự chủ của nhân dân ta.

- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam.

2. Khởi nghĩa Lam Sơn

a. Bối cảnh lịch sử

- Năm 1407, Đại Việt rơi vào ách đô hộ của nhà Minh.
- Chính quyền đô hộ đã thực hiện chính sách cai trị hà khắc, đàn áp các cuộc đấu tranh, vơ vét của cải, phá hoại nền văn hóa Đại Việt.

b. Diễn biến chính

- Từ 1418 - 1423: Lê Lợi xây dựng căn cứ ở vùng núi Lam Sơn (Thanh Hóa), tạm hòa hoãn với quân Minh.
- Từ 1424 - 1425: Nghĩa quân tiến vào Nghệ An, mở rộng vùng giải phóng Tân Bình - Thuận Hóa.
- Từ 1426 - 1427: Nghĩa quân tiến công ra Bắc, giải phóng Thanh Hóa, vây thành Đông Quan, giành thắng lợi ở Chi Lăng - Xương Giang.

c. Ý nghĩa lịch sử

- Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi đã chấm dứt ách thống trị của nhà Minh, giành lại nền độc lập dân tộc.
- Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu cho ý chí và tinh thần độc lập của nhân dân Đại Việt.
- Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã đưa đến sự thành lập nhà Lê sơ - một triều đại phong kiến phát triển hùng mạnh trong lịch sử dân tộc.

3. Phong trào Tây Sơn

a. Bối cảnh lịch sử

- Giữa thế kỷ XVIII chế độ phong kiến ở Đàng Trong lâm vào khủng hoảng, quan lại lạm quyền, sách nhiễu dân chúng.
- Trước tình hình đó, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ phát động cuộc khởi nghĩa với khẩu hiệu “đánh đổ quyền thần Trương Phúc Loan, ủng hộ hoàng tôn Dương”.

b. Diễn biến chính

- Từ 1771 - 1773: cuộc khởi nghĩa bùng nổ, nghĩa quân nhanh chóng làm chủ được một số vùng và chia cắt kinh thành Phú Xuân với Gia Định.
- Từ 1774 - 1786: nghĩa quân Tây Sơn tập hợp lực lượng tiêu diệt các tập đoàn phong kiến Trịnh, Nguyễn.
- Năm 1785: Nguyễn Huệ chỉ huy giành thắng lợi trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút, đánh tan quân Xiêm.
- Tết Kỷ Dậu năm 1789: vua Quang Trung lãnh đạo quân Tây Sơn đánh bại 29 vạn quân Thanh, khôi phục nền độc lập cho đất nước.

c. Ý nghĩa lịch sử

- Phong trào Tây Sơn được xem là đỉnh cao của phong trào nông dân, đã lật đổ được chính quyền chúa Trịnh, chúa Nguyễn, đánh thắng được quân xâm lược Xiêm và Thanh, giải quyết đồng thời hai nhiệm vụ đấu tranh giai cấp và giải phóng dân tộc.

- Phong trào Tây Sơn để lại nhiều bài học quý báu về tư tưởng và nghệ thuật quân sự chống ngoại xâm.

4. Một số bài học lịch sử

- Bài học về quá trình tập hợp lực lượng quần chúng nhân dân
- Bài học về vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc
- Bài học về nghệ thuật quân sự
- Bài học đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

TỔ TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Duyệt của BGH